

Số: 148 /PA-THPTNĐC

Thứ Sáu Một, ngày 07 tháng 4 năm 2023

**PHƯƠNG ÁN**  
**Phân lớp và xây dựng tổ hợp môn học đối với lớp 10**  
**Năm học 2023-2024**

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và trường trung học có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/4/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 169/SGDDĐT-KT-KĐQLCLGD ngày 30/01/2023 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về hướng dẫn tuyển sinh lớp 6 THCS và lớp 10 THPT năm học 2023-2024;

Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu xây dựng phương án phân lớp và xây dựng tổ hợp môn học đối với lớp 10 năm học 2023-2024 của trường như sau:

**I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**1. Nội dung giáo dục**

**1.1. Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:**

Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Lịch sử; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

**1.2. Các môn học lựa chọn gồm:** Địa lí, Hóa, Sinh, Vật lí, Công nghệ, Tin và Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.

**1.3. Các chuyên đề học tập:**

Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho học sinh THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là

35 tiết/năm học. Ở lớp 10 học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường.

Trường có thể xây dựng các tổ hợp môn học từ 3 nhóm môn học và chuyên đề học tập nói trên để vừa đáp ứng nhu cầu của người học vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường.

**1.4. Các môn học tự chọn:** Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

## **2. Thời lượng giáo dục**

Đối với chính khoá: Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Đối với hoạt động giáo dục khác: Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện dạy học trái buổi theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc (5)	<i>Ngữ văn</i>	105
	<i>Toán</i>	105
	<i>Ngoại ngữ 1</i>	105
	<i>Lịch sử</i>	52
	<i>Giáo dục thể chất</i>	70
	<i>Giáo dục quốc phòng và an ninh</i>	35
Môn học lựa chọn		
Khoa học xã hội (2 môn)	<i>Địa lí</i>	70
	<i>Giáo dục kinh tế và pháp luật</i>	70
Khoa học tự nhiên (3 môn)	<i>Vật lí</i>	70
	<i>Hoá học</i>	70
	<i>Sinh học</i>	70
Công nghệ và nghệ thuật (4 môn)	<i>Công nghệ</i>	70
	<i>Tin học</i>	70
	<i>Âm nhạc</i>	70
	<i>Mĩ thuật</i>	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động GD bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, <i>HN</i>	105
Nội dung GD bắt buộc của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		997
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)		29 (2 tiết TNN Trung

<b>Nội dung giáo dục</b>	<b>Số tiết/năm học/lớp</b>
	với SHDC, SHL)

## II. BỐI CẢNH NHÀ TRƯỜNG

### 1. Dự báo quy mô trường, lớp năm học 2023-2024

Khối lớp	Số lớp	Sĩ số	Tuyển mới
10	9	405	405
11	8	324	
12	11	474	
Toàn trường	28	1203	

### 2. Thống kê đội ngũ giáo viên

STT	Chức danh	Số lượng	Thừa	Thiếu
1	GV Ngữ văn	9		
2	GV Toán	11		
3	GV Tiếng Anh	8		
4	GV GDTC	3		1
5	GV QP-AN	2		
6	GV Vật lí	5		
7	GV Hóa học	5		
8	GV Sinh học	4		
9	GV Lịch sử	3		
10	GV Địa lí	3		
11	GV GD KT&PL	2		
12	GV Công nghệ	3	1	
13	GV Tin học	3		
14	GV Âm nhạc	0		
15	GV Mỹ thuật	0		

### 3. Tình hình cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
1	<b>Khối phòng học tập</b>						
	- Phòng học kiên cố	x		phòng	28		x
	- Phòng học bán kiên cố	x		Phòng	00	x	
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	x		phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	x		phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn KHCN	x		phòng	0	x	
	- Phòng học bộ môn Tin học	x		phòng	2	x	
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	x		phòng	1	x	
	- Phòng học bộ môn Vật lí	x		phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn Hóa học	x		phòng	2		x
	- Phòng học bộ môn Sinh học	x		phòng	1		x
	- Phòng học bộ môn KHXH	x		phòng	0	x	
	- Phòng học đa chức năng	x		phòng	0	x	
2	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>						
	- Thư viện	x	x	phòng	1		x
	- Phòng thiết bị giáo dục	x	x	phòng	1		
	- Phòng tư vấn học đường	x	x	phòng	0	x	

STT	Tên	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng hiện có	Đối chiếu CSVC hiện có so với yêu cầu của CTGDPT 2018	
		HS	GV			Chưa đáp ứng	Đáp ứng
	- Phòng Đoàn TNCS HCM	x		phòng	1		x
	- Phòng truyền thống	x	x	phòng	1		x
3	<b>Khối phụ trợ</b>						
	- Phòng họp		x	phòng	1		x
	- Phòng các tổ CM		x	phòng	0	x	
	- Phòng y tế trường học	x	x	phòng	1		x
	- Nhà kho		x	phòng	0	x	
	- Khu để xe học sinh	x		phòng	2	x	
	- Khu vệ sinh học sinh	x		khu	8		x
	- Phòng GV		x	phòng	3		x
4	<b>Khu sân chơi, thể dục thể thao</b>						
	- Sân trường	x	x	sân	1		x
	- Sân bãi tập TDTT	x	x	sân	0	x	
	- Nhà đa năng	x	x	nhà	1		x
5	<b>Hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp nước sạch; cấp điện; chữa cháy</b>	x	x				x
6	<b>Hạ tầng công nghệ: Bảng tương tác thông minh các phòng học; đường truyền internet, máy tính phục vụ cho DH và GD học sinh</b>	x	x		28 bảng, 2 đường truyền 96 máy tính (trong đó có 66 máy hỏng)	x	

### III. PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG TỔ HỢP MÔN HỌC

Căn cứ vào Chương trình GDPT 2018, tình hình đội ngũ, tình hình CSVC và dự kiến chỉ tiêu chuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024, nhà trường xây dựng tổ hợp môn học của lớp 10 như sau:

- Số lớp 10 biên chế chính thức: 09 lớp (học các môn bắt buộc).
- Đối với tổ hợp môn, dự kiến chia thành 5 tổ hợp, cụ thể:

+ Nhóm Tự nhiên 1: Toán, Văn, Anh, Sử, GDTC, GDQP, TNH, GDĐP (Bắt buộc); Lý, Hóa, Sinh, Tin (Tự chọn), chuyên đề học tập Toán, Văn, Anh: 03 lớp (Chuyên đề thay thế: Lý, Hoá Sinh);

+ Nhóm Tự nhiên 2: Toán, Văn, Anh, Sử, GDTC, GDQP, TNH, GDĐP (Bắt buộc); Hóa, Sinh, CNCN, Tin (Tự chọn), chuyên đề học tập Toán, Văn, Anh: 01 lớp;

+ Nhóm Tự nhiên 3: Toán, Văn, Anh, Sử, GDTC, GDQP, TNH, GDĐP (Bắt buộc); Lý, Sinh, CNCN, Tin (Tự chọn), chuyên đề học tập Toán, Văn, Anh: 01 lớp).

+ Nhóm Tự nhiên 4: Toán, Văn, Anh, Sử, GDTC, GDQP, TNH, GDĐP (Bắt buộc); Lý, Hóa, CNCN, Tin (Tự chọn), chuyên đề học tập Toán, Văn, Anh; 01 lớp (chuyên đề thay thế Toán, Lý, Hoá);

+ Nhóm Xã hội 1: Toán, Văn, Anh, Sử, GDTC, GDQP, TNH, GDĐP (Bắt buộc); Địa, GDKTPL, CNCN, Tin (Tự chọn), chuyên đề học tập Toán, Văn, Anh: 01 lớp (*chuyên đề thay thế: Sử, Địa, GDKTPL*);

+ Nhóm Xã hội 2: Toán, Văn, Anh, Sử, GDTC, GDQP, TNH, GDĐP (Bắt buộc); Địa, GDKTPL, CNCN, Tin (Tự chọn), chuyên đề học tập Toán, Văn, Anh: 02 lớp (*chuyên đề thay thế: Sử, Địa, GDKTPL*).

Stt	Lớp học	Chỉ tiêu	Số lớp	Môn học bắt buộc	Nhóm môn tự chọn	Chuyên đề học tập lựa chọn	Ghi chú
1	TN1	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Lí, Hóa, Sinh, Tin	Toán, Văn, Anh	
2	TN2	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Lí, Hóa, Sinh, Tin	Toán, Văn, Anh	
3	TN3	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Lí, Hóa, Sinh, Tin	Toán, Văn, Anh	
4	TN4	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Hóa, Sinh, CNCN, Tin	Toán, Văn, Anh	
5	TN5	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Lý, Sinh, CNCN, Tin	Toán, Văn, Anh	
6	TN6	45		Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Lý, Hóa, CNCN, Tin	Toán, Văn, Anh	
7	XH1	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Địa, GDKTPL, CNCN, Tin	Toán, Văn, Anh	
8	XH2	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Địa, GDKTPL, CNCN, Tin	Toán, Văn, Anh	
9	XH3	45	01 lớp	Toán, Văn, NN1, Sử, GDTC, GDQPAN, HDTNHN, GDĐP	Địa, GDKTPL, CNCN, Tin	Toán, Văn, Anh	

Học kỳ 1 dạy 18 tuần, học kỳ 2 dạy 17 tuần, mỗi tuần học 6 buổi chính khóa, mỗi buổi không quá 5 tiết, mỗi tiết 45 phút.

Các hoạt động giáo dục khác: Thực hiện buổi 2.

\* *Lưu ý:*

- Căn cứ nguyện vọng của đa số học sinh đã chọn học nhóm tổ hợp nêu trên mà có nhu cầu chọn 2 môn học thuộc 2 môn tự chọn khác không trùng với phương án nêu trên thì lãnh đạo nhà trường sẽ xem xét, quyết định để đảm bảo học sinh của lớp khi học các môn lựa chọn không phân tán;

- Căn cứ số lượng học sinh đăng ký chọn tổ hợp: Số lớp của mỗi tổ hợp có thể thay đổi.

#### IV. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN TIẾN HÀNH PHÂN LỚP THEO PHƯƠNG ÁN

STT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	THỜI GIAN	BỘ PHẬN THỰC HIỆN
1	Công bố kết quả thi tuyển vào lớp 10	Dự kiến: 21/6/2023	Ban tuyển sinh
2	Học sinh trúng tuyển đến trường đăng ký nhập học và đăng ký tổ hợp môn học	Dự kiến: Từ 03/7/2023	Ban tuyển sinh
3	Tiến hành xếp lớp lần 1	Dự kiến: 10/7/2023	Ban giám hiệu
4	Sinh hoạt tất cả các học sinh đã đăng ký, tư vấn việc chọn tổ hợp môn học phù hợp với điều kiện nhà trường và cho các em điều chỉnh tổ hợp (nếu có)	Sinh hoạt: từ 05/7 đến 08/7 (Trực tiếp hoặc trực tuyến)	Ban giám hiệu Văn phòng
5	Công bố phân lớp chính thức	24/7/2023	Ban giám hiệu

\* *Ghi chú:* Tùy theo lịch của Sở GDĐT về việc cho học sinh đăng ký nhập học và lịch thi tốt nghiệp THPT năm 2023 mà thời gian sẽ thay đổi cho phù hợp và niêm yết, thông báo rộng rãi lên Website, Fanpage của nhà trường.

Trên đây là Phương án phân lớp và xây dựng tổ hợp môn học đối với lớp 10 năm học 2023-2024 của trường THPT Nguyễn Đình Chiểu./.

**Nơi nhận:**

- Sở GDĐT (báo cáo);
- UBND TP TDM (báo cáo);
- Phòng GDĐT TP TDM (phối hợp);
- BGH, TTCM;
- Ban ĐDCMHS;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, KA.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Nguyễn Thanh Tuấn**